

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 02 - 8 - 2024.  
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Quang Man và bà Nguyễn Thị Chương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**\* Bị đơn:** Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*(Chị N và anh P vắng mặt có lý do và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Chị và anh Bùi Thanh P kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2016 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Bùi Thanh P.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết. Hiện chị N không có thai nghén gì.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N tự nguyện xin nộp toàn bộ thay cho cả anh P.

\* Tại đơn trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Thanh P có quan điểm: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn đúng như chị N khai. Sau kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa hôm nay: Chị N và anh P đều vắng mặt có lý do và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Bùi Thanh P có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn” giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Thanh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có lý do và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Thanh P trên cơ sở các bên tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2016 tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên hoàn toàn hợp pháp và được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tôn trọng, bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị đều thống nhất xác định là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh P cũng đồng ý ly hôn, điều này càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị N và anh P.

[4] Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N xin nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Thanh P.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Thanh P, mỗi người phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị N được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000411 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị N đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Phạm Duy**

